

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2023/QĐST-DS

V, ngày 14 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Duy Long.

Ông Vũ Xuân Kỳ.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1945; chết ngày 18 tháng 9 năm 2021, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khi còn sống: Số 43, Ngõ 156 Lê Trọng Tấn, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B:

1.1.1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1949; Địa chỉ: Số 43, Ngõ 156, Lê Trọng Tấn, phường K, quận T, thành phố Hà Nội. (vợ ông B).

1.1.2. Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 235A Nguyễn Ngọc Nại, phường K, quận T, thành phố Hà Nội. (con ông B)

1.1.3. Chị Trần Thị Thu HH, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tòa R5, sảnh B, Căn 20, Tầng 29, khu Chung cư Royal City, Số 72A Nguyễn Trãi, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. (con ông B)

1.1.4. Anh Trần H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 43, Ngõ 156, Lê Trọng Tấn, phường K, quận T, thành phố Hà Nội. (con ông B).

1.2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn B, xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình.

1.3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Bà Trần Thị D (tức X), sinh năm 1948; Địa chỉ: Thôn B, xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình.

1.3.2. Bà Trần Thị Th (tức H), sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn B, xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình.

1.3.3. Bà Trần Thị S, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn N, xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình.

1.3.4. Bà Trần Thị B, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn B, xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình.

1.3.5. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn B, xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vợ ông T)

1.3.6. Chị Trần Thị Thu Tr, sinh năm 1984; Địa chỉ: Căn hộ D603, EcoCity, Ct21B, Khu đô thị Việt Hưng, phường G, quận L, thành phố Hà Nội. (con ông T)

1.3.7. Chị Trần Thị Thu Th, sinh năm 1986; Địa chỉ: P1801 Toà Samsora, đường 105 Chu Văn An, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội. (con ông T)

1.3.8. Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: P1210, chung cư 19T6 Kiến Hưng, phường K, quận H, thành phố Hà Nội. (con ông T)

1.3.9. Ủy ban nhân dân xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kim S, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình.

* Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th, chị Trần Thị Thu H và anh Trần H: Chị Trần Thị Thu HH, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tòa R5, sảnh B, Căn 20, Tầng 29, khu Chung cư Royal City, Số 72A Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận T, thành phố Hà Nội.

* Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị K, chị Trần Thị Thu Tr, chị Trần Thị Thu Th và anh Trần Minh Đ: Ông Trần Văn T, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn B, xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình.

* Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Th (tức H): Bà Trần Thị B, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn B, xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc xác định diện, hàng thừa kế:

2.1.1. Cụ Trần Văn Nh (sinh năm 1912, chết năm 1978) và cụ Lê Thị S (sinh năm 1917, chết năm 2013) là vợ chồng. Quá trình chung sống, cụ Nh, cụ S sinh được 06 người con đẻ, gồm: Ông Trần Văn B, bà Trần Thị D (tức X), bà Trần Thị Th (tức H), bà Trần Thị S, ông Trần Văn T và bà Trần Thị B. Ngoài 06 người con đẻ trên, cụ Nh, cụ S không còn con đẻ, con nuôi, con riêng nào khác.

2.1.2. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn Nh và cụ Lê Thị S được xác định gồm 06 người, gồm: Ông Trần Văn B, bà Trần Thị D (tức X), bà Trần Thị Th (tức H), bà Trần Thị S, ông Trần Văn T và bà Trần Thị B.

2.1.3. Ông Trần Văn B (sinh năm 1945, chết năm 2021). Ông B có vợ là bà Nguyễn Thị Th. Ông B, bà Th có 03 người con đẻ, gồm: Chị Trần Thị Thu H, Chị Trần Thị Thu HH và anh Trần H. Ông B không còn con đẻ, con nuôi, con riêng nào khác. Như vậy, xác định: Bà Th, chị H, chị HH, anh H là người được hưởng thừa kế của ông B đối với phần di sản ông B được hưởng thừa kế của cụ Nh, cụ S.

2.2. Về xác định di sản thừa kế:

2.2.1. Di sản thừa kế của cụ Trần Văn Nh và cụ Lê Thị S sau khi chết để lại gồm quyền sử dụng diện tích 400m² đất ở nông thôn (ONT) và quyền sở hữu 01 ngôi nhà 05 gian diện tích 76,7m² tại thửa đất số 384, tờ bản đồ số 27, đo đạc năm 1997 tại thôn B, xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình. Trị giá đất: 416.000.000 đồng (400m² x 1.040.000 đồng/m²). Trị giá nhà: 63.568.000 đồng. Tổng trị giá di sản nhà và đất: 479.568.000 đồng.

2.2.2. Di sản thừa kế cụ Lê Thị S sau khi chết để lại gồm quyền sử dụng diện tích 416m² đất cây lâu năm (CLN) tại thửa đất số 384, tờ bản đồ số 27, đo đạc năm 1997 tại thôn B, xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình. Trị giá đất: 18.720.000 đồng (416m² x 45.000 đồng/m²).

2.2.3. Trước khi chết, cụ Trần Văn Nh và cụ Lê Thị S không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ về tài sản.

2.3. Về việc thoả thuận phân chia di sản thừa kế:

2.3.1. Những người thuộc diện hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn Nh và cụ Lê Thị S là bà Trần Thị D (tức X), bà Trần Thị Th (tức H), bà Trần Thị S, bà Trần Thị B và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn B là bà Nguyễn Thị Th, chị Trần Thị Thu H, Chị Trần Thị Thu HH đều tự nguyện nhường (cho) phần di sản thừa kế được hưởng cho anh Trần H và ông Trần Văn T.

2.3.2. Anh Trần H được quyền sử dụng diện tích 270m² đất ở nông thôn (ONT) tại thửa đất số 384, tờ bản đồ số 27, đo đạc năm 1997 tại thôn B, xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình. Thửa đất diện tích 270m² có vị trí, kích thước cụ thể như sau: Phía Đông Bắc dài 10,35m giáp hành lang giao thông do UBND xã quản lý; phía Tây Bắc dài 27,97m giáp đất khoán 2 do hộ gia đình ông T đang sử dụng; phía Tây Nam dài 10,25m giáp đất nông nghiệp do hộ gia đình ông T đang sử dụng; phía Đông Nam dài 25,3m giáp đất chia cho ông T. Trị giá di sản thừa kế anh H được hưởng là 280.800.000 đồng (270m² x 1.040.000 đồng/m²). (Thửa đất anh H được quyền sử dụng được đánh số ký hiệu S1C trên sơ đồ phân chia di sản thừa kế kèm theo).

2.3.3. Ông Trần Văn T được quyền sử dụng diện tích 546m² đất (trong đó có 130m² đất ở nông thôn (ONT) và 416m² đất cây lâu năm (CLN)) và được quyền sở hữu 01 ngôi nhà 05 gian diện tích 76,7m² tại thửa đất số 384, tờ bản đồ số 27, đo đạc năm 1997 tại thôn B, xã BT, huyện V, tỉnh Thái Bình. Thửa đất diện tích 546m² có vị trí, kích thước như sau: Phía Đông Bắc dài 14,38m giáp hành lang giao thông do UBND xã quản lý; phía Tây Bắc dài 25,3m + 15,83m giáp đất ở chia cho anh H và đất nông nghiệp do hộ gia đình ông T đang sử dụng; phía Tây Nam dài 13,9m giáp đất nông nghiệp do hộ gia đình ông T đang sử dụng; phía Đông Nam dài 37,43m giáp đất nông nghiệp do hộ gia đình ông T đang sử dụng. Tổng trị giá di sản thừa kế ông T được hưởng là 217.488.000 đồng (130m² đất ở nông thôn (ONT) x 1.040.000 đồng/m² = 135.200.000 đồng; 416m² đất cây lâu năm (CLN) x 45.000 đồng/m² = 18.720.000 đồng; nhà trị giá 63.568.000 đồng). (Nhà và đất ông T được quyền sử dụng, quyền sở hữu được đánh số ký hiệu S1B trên sơ đồ phân chia di sản thừa kế kèm theo).

2.3.4. Đối với các tài sản khác gắn liền với phần đất là di sản thừa kế anh Trần H và ông Trần Văn T được quyền sử dụng:

2.3.4.1. Anh Trần H và ông Trần Văn T được quyền sở hữu toàn bộ các công trình xây dựng trên phần đất mình được quyền sử dụng mà các bên không xác định là di sản thừa kế.

2.3.4.2. Đối với tài sản là cây lâu năm, cây cảnh trên phần đất anh H được sử dụng: Ông T phải có nghĩa vụ di dời toàn bộ cây lâu năm, cây cảnh ông T đang trồng trên phần diện tích đất anh H được quyền sử dụng khi anh H yêu cầu.

2.3.4.3. Anh Trần H và ông Trần Văn T không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho nhau, không phải buộc tháo dỡ bất kỳ công trình nào trên đất và không phải thanh toán giá trị kỷ phần di sản thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

2.4. Về chi phí tố tụng: Anh Trần H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, số tiền là 22.400.000 đồng. (anh H đã nộp đủ và thanh toán xong).

2.5. Về án phí: Anh Trần H phải chịu 14.040.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (280.800.000 đồng x 5%). Ông Trần Văn T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật nên ông T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Ông Trần Văn T và bà Phạm Thị K rút yêu cầu độc lập của ông T, bà K về việc yêu cầu những người trong diện, hàng thừa kế của cụ Trần Văn Nh và cụ Lê Thị S phải thanh toán cho ông T, bà K tiền sửa chữa nhà, xây bếp và các công trình liên quan đến nhà ngói 05 gian và tiền cải tạo san lấp, tôn tạo 416m² đất nông nghiệp được nhà nước giao cho cụ Lê Thị S theo Quyết định 652 và Quyết định 948 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình nên Toà án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông T, bà K.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương